

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH THỰC
PHẨM QUỐC GIA

Số: **813/VKNQG-TLCC**
v/v mời tham gia chương trình
thử nghiệm thành thạo năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **12** tháng **12** năm 2019

Kính gửi: Quý phòng thí nghiệm

Trong những năm qua Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (Viện) đã thực hiện nhiều chương trình TNTT phù hợp với chuẩn mực quốc tế ISO/IEC 17043: 2010. Viện đã được công nhận bởi tổ chức A2LA – Hoa Kỳ (The American Association for Laboratory Accreditation), số chứng chỉ: 4254.01 ngày 15/5/2017.

Nhằm hỗ trợ các PTN có cơ hội đánh giá năng lực, độ chính xác, độ tin cậy kết quả phân tích, đặc biệt các PTN đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN (ISO/IEC 17025), Viện có kế hoạch tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo năm 2020 với nội dung chi tiết như sau kính đề nghị các phòng tham khảo để đăng ký.

Chú ý:

Thời gian dự kiến tổ chức các chương trình được ghi trong bảng dưới đây, tuy nhiên chương trình nào có số thành viên đăng ký tham gia nhiều nhất thì Ban tổ chức sẽ sắp xếp để thực hiện trước.

Theo nhu cầu thực tế của khách hàng, Ban tổ chức có thể tổ chức thêm một số chương trình khác ngoài danh sách dưới và sẽ thông báo sau cho quý phòng.

1. Lĩnh vực tổ chức:

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
I	Dự kiến đợt 1 (Tháng 2 ÷ 4)				
1	H20.1	Thịt	1. Salbutamol 2. Ractopamine 3. Clenbuterol	Tháng 2 ÷ 4/2020	3,500,000
2	H20.2	Rau quả	1.Chlorpyrifos 2.Permethrine	Tháng 2 ÷ 4/2020	3,000,000
3	H20.3	Thực phẩm	1.Ca, 2.Mg ,	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,500,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
			3.Na, 4. K		
4	H20.4	Thực phẩm chức năng	1.Ca, 2.Mg , 3.Na, 4. K	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,500,000
5	H20.5	Thực phẩm chức năng	Collagen	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,500,000
6	H20.6	Thực phẩm bổ sung	Choline	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,500.000
7	H20.7	Thịt	1. Độ ẩm 2. Tro; 3. Lipid; 4. Protein;	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,000.000
8	H20.8	Thực phẩm chức năng	1.Cam thảo; 2. Đương quy	Tháng 2 ÷ 4/2020	1,500.000
9	H20.9	Sản phẩm ngũ cốc	1. Tro 2. Độ ẩm/chất khô 3. Protein 4. Lipid	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,000,000
10	H20.10	Thực phẩm chức năng	1. Tro 2. Độ ẩm/chất khô 3. Protein 4. Lipid	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,000,000
11	H20.11	Chè	1.Độ ẩm 2.Tro tổng 3. Hàm lượng chất tan 4.Polyphenol 5.Tanin	Tháng 2 ÷ 4/2020	3,000,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
			6. Tro không tan trong acid. 7. Cafein		
12	H20.12	Thực phẩm	1.Cyclamat 2.Saccharin	Tháng 2 ÷ 4/2020	2,000,000
II Dự kiến đợt 2 (Tháng 5 ÷ 7)					
13	H20.13	Nước	1.Độ cứng 2.Nitrat 3. Nitrit	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,000,000
14	H20.14	Nước	1.Pb 2.Cd 3. Hg 4.As	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
15	H20.15	Sữa	1.Gentamycin, 2.Streptomycin 3.Dihydrostreptomycine	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,500,000
16	H20.16	Thịt/ thủy sản	1.Erofloxacin; 2.Ciprofloxacin	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,000,000
17	H20.17	Nước giải khát	1.Aspartame, 2.AcesulfameK	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,000.000
18	H20.18	Thực phẩm (Mứt, ô mai, bánh)	1.Aspartame, 2.AcesulfameK	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,000.000
19	H20.19	Thực phẩm bổ sung	Taurine	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500.000
20	H20.20	Thực phẩm chức năng	Sibutramine	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,000,000
21	H20.21	Thức ăn chăn nuôi	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) và tổng	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,000,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
22	H20.22	Thực phẩm BVS	L-Carnitine	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
23	H20.23	Thực phẩm BVS	Coenzyme Q10	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
24	H20.24	Thực phẩm BVS	Chondroitin sulfat	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,000,000
25	H20.25	Thức ăn chăn nuôi	1. Tro 2. Độ ẩm/chất khô 3. Protein 4. Lipid	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,000,000
26	H20.26	Cà phê	1. Caffein 2. Độ ẩm 3. Tro 4. Hàm lượng chất tan trong nước	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
27	V20.27	Thực phẩm	1. Tổng vi khuẩn hiếu khí 2. <i>E. Coli</i> 3. Tổng <i>Coliform</i>	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
28	V20.28	Thực phẩm	Staphylococci dương tính với coagulase	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,000,000
29	V20.29	Thức ăn chăn nuôi	1. Tổng vi khuẩn hiếu khí 2. <i>E. Coli</i> 3. Tổng <i>Coliform</i>	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
30	H20.30	Thức ăn chăn nuôi	Tryptophan	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,500,000
31	H20.31	Thức ăn chăn nuôi	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2 và tổng số)	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,000,000
32	H20.32	Thức ăn	1. Vitamin B1	Tháng 5 ÷ 7/2020	2,100,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
		chăn nuôi	2. Vitamin B2 3. Vitamin B3 4. Vitamin B5		
33	H20.33	Thức ăn chăn nuôi	1. Melamine 2. Aflatoxin M1	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,500,000
34	H20.34	Thức ăn chăn nuôi	1. Salbutamol 2. Ractopamine 3. Clenbuterol	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,500,000
35	H20.35	Thịt động vật	1. Tetracycline 2. Clortetacycline 3. Oxytetracycline	Tháng 5 ÷ 7/2020	3,500,000
III Dự kiến đợt 3 (Tháng 8 ÷ 10)					
36	H20.36	Thực phẩm BVSK	Glutahione	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
37	H20.37	Thực phẩm BVSK	Alpha lipoic acid	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
38	H20.38	Thực phẩm Chức năng	Sildenafil Tadalafil Vardenafil	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,500,000
39	H20.39	Nước mắt	Histamin	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
40	H20.40	Ngũ cốc	Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) và tổng	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,000,000
41	H20.41	Thủy sản	Chloramphenicol	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,000,000
42	H20.42	Thực phẩm bổ sung	1. Cu 2. Fe 3. Zn 4. Mn	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500.000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
43	H20.43	Nước chấm	1. Nitơ tổng 2. Nitơ ammoniac 3. Nitơ acid amin 4. Hàm lượng NaCl 5. Hàm lượng acid	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
44	H20.44	Rượu	1. Ethanol 2. Methanol 3. Aldehyde 4. Furfurol 5. Ester 6. Rượu bậc cao (Isobutyl alcohol, Isoamyl alcohol)	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
45	H20.45	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	1. Ginsenoside Rg1 2. Ginsenoside Rb1	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,500,000
46	H20.46	Thực phẩm chức năng	Lysine	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
47	H20.47	Cà phê	Ochratoxin A	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,000,000
48	H20.48	Cá	Histamine	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
49	H20.49	Thực phẩm	1.Pb 2.Cd 3. Hg 4.As	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
50	H20.50	Thực phẩm chức năng	Vitamin C	Tháng 8 ÷ 10/2020	1,500,000
51	H20.51	Thực phẩm chức năng	1. Vitamin A 2. Vitamin E 3. Vitamin D	Tháng 8 ÷ 10/2020	3,000,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
52	H20.52	Thực phẩm chức năng	Curcumin	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
53	H20.53	Thực phẩm chức năng	Glucosamine	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,500,000
54	V20.54	Thực phẩm chức năng	<i>Bacillus cereus</i>	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
55	V20.55	Thực phẩm	<i>Listeria monocytogenes</i>	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
56	V20.56	Thức ăn chăn nuôi	<i>Listeria monocytogenes</i>	Tháng 8 ÷ 10/2020	2,000,000
IV Dự kiến đợt 4 (Tháng 11 ÷ 12)					
57	V20.57	Nước	1. <i>E.Coli</i> 2. <i>Coliform tổng số</i> 3. <i>P.aeruginosa</i> enumeration 4. <i>S.faecalis (Enterococci)</i> enumeration	Tháng 11 ÷ 12/2020	3,500,000
58	H 20.58	Phụ gia thực phẩm	1. Pb 2. Cd 3. As 4. Hg	Tháng 11 ÷ 12/2020	2,500,000
59	H20.59	Thực phẩm	1. Saccharin 2. Cyclamat	Tháng 11 ÷ 12/2020	2,000,000
60	H20.60	Thực phẩm	1. Erythromycin; 2. Spiramycin.	Tháng 11 ÷ 12/2020	3,000,000
61	V20.61	Thực phẩm	<i>Salmonella</i>	Tháng 11 ÷ 12/2020	2,000,000
62	V20.62	Thức ăn	<i>Salmonella</i>	Tháng 11 ÷ 12/2020	2,000,000

<i>Stt</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Thời gian dự kiến tổ chức</i>	<i>Phí tham gia (đ)</i>
		chăn nuôi			
63	H 20.63	rau quả	1.Carbaryl 2.Carbofuran	Tháng 11 ÷ 12/2020	3,000,000
64	H 20.64	rau quả	1. Parathion 2. Chlopyrifos	Tháng 11 ÷ 12/2020	3,000,000

2. Phương pháp thử nghiệm: Mẫu TNTT được phân tích như mẫu thông thường, các PTN tham gia có thể tự lựa chọn phương pháp thử thích hợp.

3. Thời gian: Thời gian sẽ được thông báo tới quý đơn vị trước 7 đến 10 ngày khi bắt đầu thực hiện bằng điện thoại hoặc email.

- Báo cáo sơ bộ phát hành sau thời hạn trả kết quả của các PTN 2-4 tuần

- Báo cáo kết thúc phát hành sau thời điểm ban hành báo cáo sơ bộ 1-2 tháng.

4. Đánh giá: Áp dụng tiêu chuẩn ISO 13528:2015 (second edition 2015-08-01, corrected version 2016-10-15) và các phân tích thống kê thích hợp

5. Bảo mật: Ban tổ chức cam kết bảo mật tên và mã số PTN, không một khách hàng nào biết mã số và số liệu của các PTN tham gia ngoài ban tổ chức, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của PTN hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

6. Chi phí: Phí tham gia thể hiện trong phiếu đăng ký đính kèm, sau khi gửi phiếu đăng ký PTN sẽ thanh toán cho ban tổ chức (kể từ khi PTN nhận được mẫu đến trước khi nhận được báo cáo chính thức)

7. Đăng ký: Các PTN đăng ký theo biểu mẫu đính kèm và gửi cho ban tổ chức bằng email, fax, bưu điện...trước ngày **01/3/ 2020**

8. Khác: PTN có thể tham khảo thêm kế hoạch tổ chức chương trình TNTT và các thông tin khác có liên quan tại website: www.nifc.gov.vn

Trong trường hợp PTN có yêu cầu tổ chức các chương trình TNTT khác so với kế hoạch, vui lòng cung cấp cụ thể thông tin (chỉ tiêu, nền mẫu...) để Viện xem xét lập kế hoạch TNTT bổ sung.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý PTN

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TLCC.

VIỆN TRƯỞNG



* **Lê Thị Hồng Hào**